

Số: 617.../2014/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được lập ngày 28/02/2014, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến đã nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính nội dung sau: Theo Luật chứng khoán thì Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là Công ty đại chúng. Công ty đã làm việc và gửi Hồ sơ Đăng ký trở thành Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước kèm theo Văn bản số 1378/CV-VNPD ngày 31/12/2013, đến nay Ủy ban chứng khoán Nhà nước đang xem xét nên các thủ tục chưa được hoàn thành theo quy định của Luật chứng khoán.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Hoàng Thuý Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		280.019.885.143	190.303.380.216
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	60.206.875.546	55.440.081.514
111	1. Tiền		2.051.875.546	1.716.967.960
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.155.000.000	53.723.113.554
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		211.022.350.128	113.457.397.068
131	1. Phải thu khách hàng		76.667.227.852	2.089.377.564
132	2. Trả trước cho người bán		133.294.605.184	99.272.646.822
135	3. Các khoản phải thu khác	4	1.060.517.092	12.095.372.682
140	IV. Hàng tồn kho	5	2.581.590.146	2.287.198.876
141	1. Hàng tồn kho		2.581.590.146	2.287.198.876
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.209.069.323	19.118.702.758
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		91.340.970	7.731.590
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.650.494.981	6.359.545.460
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	519.828.967
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	4.467.233.372	12.231.596.741
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.066.894.765.035	2.739.640.213.957
220	II. Tài sản cố định		3.065.910.834.303	2.738.622.930.012
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	3.065.472.705.911	484.604.326.034
222	- Nguyên giá		3.335.020.687.890	597.016.924.576
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(269.547.981.979)	(112.412.598.542)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	85.983.018	115.896.487
228	- Nguyên giá		146.706.056	165.006.056
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.723.038)	(49.109.569)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	352.145.374	2.253.902.707.491
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	822.581.180	989.268.385
258	1. Đầu tư dài hạn khác		1.950.000.000	1.950.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.127.418.820)	(960.731.615)
260	V. Tài sản dài hạn khác		161.349.552	28.015.560
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	161.349.552	28.015.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.346.914.650.178	2.929.943.594.173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.325.340.792.944	2.029.446.056.011
310	I. Nợ ngắn hạn		399.111.879.521	513.417.521.375
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	229.394.000.000	254.537.600.000
312	2. Phải trả người bán		126.915.168.477	242.093.605.188
313	3. Người mua trả tiền trước		302.460.000	302.460.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	19.966.490.897	3.399.733.317
315	5. Phải trả người lao động		4.828.592.699	2.188.407.323
316	6. Chi phí phải trả	14	2.293.848.128	1.052.665.119
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	15.554.858.297	9.125.741.305
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(143.538.977)	717.309.123
330	II. Nợ dài hạn		1.926.228.913.423	1.516.028.534.636
332	1. Phải trả dài hạn nội bộ	16	310.865.452.999	-
334	2. Vay và nợ dài hạn	17	1.615.363.460.424	1.515.302.989.679
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	725.544.957
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.021.573.857.234	900.497.538.162
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.021.573.857.234	898.811.446.869
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		887.170.430.000	816.056.610.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.415.892.000	50.415.892.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.982.515.476	4.982.515.476
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.791.248.161	2.791.248.161
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		76.213.771.597	24.565.181.232
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	1.686.091.293
433	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	1.686.091.293
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.346.914.650.178	2.929.943.594.173

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		2.001,31	1.629.746,80

Nguyễn Mỹ Bình
Người lập

Nguyễn Tùng Phương
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

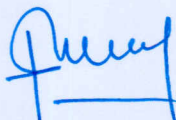
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	392.123.947.213	110.186.152.926
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		392.123.947.213	110.186.152.926
11	4. Giá vốn hàng bán	20	192.085.986.045	47.289.050.094
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		200.037.961.168	62.897.102.832
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	827.054.407	6.645.817.024
22	7. Chi phí tài chính	22	126.574.909.770	32.567.416.374
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		125.310.931.913	28.319.233.995
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	7.987.263.723	4.488.312.764
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		66.302.842.082	32.487.190.718
31	11. Thu nhập khác		17.601	17.201.381
32	12. Chi phí khác		335.883.033	-
40	13. Lợi nhuận khác		(335.865.432)	17.201.381
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.966.976.650	32.504.392.099
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	15.019.783.595	4.234.713.473
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	(725.544.957)	725.544.957
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>51.672.738.012</u>	<u>27.544.133.669</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	610	378



Nguyễn Mỹ Bình
Người lập



Nguyễn Tùng Phương
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014